

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ M
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2024/HNGĐ-ST

Ngày 30-12-2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ M TỈNH ĐIỆN BIÊN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Bích Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Linh;

Bà Lò Thị Kim Duyên;

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lò Văn Lâm – Thư ký Tòa án nhân dân Thị xã M, tỉnh Điện Biên.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thị xã M tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Tiến Đỗ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 12 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thị xã M tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 08 năm 2024 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2024/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự.

1. Nguyên đơn: chị Lò Thị P, sinh năm: 1985; Địa chỉ: Bản Nậm N 2, xã Nậm N, huyện Mường Ch, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lý A Chia – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Điều Đức C, sinh năm: 1979; Địa chỉ: Bản L, xã Lay N, Thị xã M, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/3/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Lò Thị P trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị P và anh Điều Đức C kết hôn tự nguyện vào ngày 28/06/2011 tại Ủy ban nhân dân xã Lay N, Thị xã M, tỉnh Điện Biên. Sau khi kết hôn anh, chị sinh sống và làm việc tại bản Nậm N 2, xã Nậm

N, huyện Mường Ch, tỉnh Điện Biên. Anh chị chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 05 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do tính tình không hợp và bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi cọ, to tiếng, xúc phạm lẫn nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 06 năm 2023 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Chị Lò Thị P xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Điều Đức C.

- Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân chị Lò Thị P và anh Điều Đức C có một con chung là cháu Điều Bảo Q, sinh ngày 03/5/2021. Chị Lò Thị P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung. Lý do chị Ph yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q là vì điều kiện công việc của chị Ph đảm bảo thời gian, giờ giấc thuận lợi cho việc đưa đón con đi học, chăm sóc, nuôi dạy con cái. Từ khi ly thân cháu Q sống cùng chị Ph nên chị Ph đã nắm rõ các thói quen sinh hoạt của cháu, cháu Q là con gái nên việc giao cho chị Ph chăm sóc sẽ thuận lợi hơn. Chị Ph có thu nhập ổn định, bình quân khoảng 6.400.000 (sáu triệu bốn trăm nghìn) đồng/tháng nên đảm bảo khả năng kinh tế để chăm lo cho con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lò Thị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ, kèm theo đơn khởi kiện chị Lò Thị P đã nộp cho Tòa án: Bản chính giấy chứng nhận kết hôn số 33/2011 ngày 28/6/2011; bản sao có chứng thực giấy khai sinh số 131/2021 ngày 14/5/2021 của Ủy ban nhân dân xã Lay N, Thị xã M cấp; bản sao căn cước công dân chị Ph, xác nhận nơi cư trú; đơn xác nhận tình trạng hôn nhân đề ngày 08/5/2024 có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Nậm Nèn, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên; Đơn đề nghị xác nhận thu nhập đề ngày 08/5/2024 có xác nhận của Trường Trung học cơ sở Nậm N, xã Nậm N, huyện Mường Ch, tỉnh Điện Biên. Ngày 17/10/2024 chị Ph nộp đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hoà giải vì lý do trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết anh C không hợp tác, gây khó khăn, không thiện chí hoà giải. Việc giao nộp tài liệu chứng cứ đúng thời gian và đúng trình tự, thủ tục.

Sau khi thụ lý vụ án, ngày 01/8/2024 Tòa án nhân dân Thị xã M đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án nhưng hết thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận thông báo thụ lý vụ án anh C không có ý kiến phản hồi bằng văn bản cho Tòa án. Qua xác minh tại nơi cư trú và tại gia đình các đương sự đã xác định được: Sau khi kết hôn anh C, chị Ph sống chung tại bản Nậm Nèn 2, xã Nậm Nèn, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên, thi thoảng ngày lễ, tết mới về thăm gia đình tại bản Lé, xã Lay Nưa, Thị xã M, tỉnh Điện Biên. Đại diện gia đình và đại diện nơi cư trú tại Bản Lé, xã Lay Nưa, Thị xã M xác nhận từ tháng 12 năm 2023 anh C một mình về dựng một căn nhà tạm trên nền đất nhà mẹ đẻ là bà Lò Thị Lợi ở bản Lé, xã Lay Nưa, Thị xã M, tỉnh Điện Biên. Ủy ban nhân dân xã Lay Nưa, Thị xã M xác nhận anh C là lao động tự do, không có thu nhập ổn định, mức thu

nhập trung bình của lao động cùng loại tại địa phương là 51.000.000 đồng/năm (tương đương khoảng 4.250.000 đồng/tháng).

Anh Điều Đức C vẫn có mặt ở địa phương tại thời điểm giải quyết vụ án nhưng không có mặt tại nơi cư trú khi Tòa án thực hiện tổng đạt các văn bản tố tụng. Do đó, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ đồng thời thông báo, niêm yết kết quả phiên họp theo quy định và đưa vụ án ra xét xử.

Tại bản tự khai ngày 16/10/2024 anh Điều Đức C trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Thời gian và điều kiện kết hôn như chị Lò Thị P trình bày là đúng. Thời điểm phát sinh mâu thuẫn từ tháng 06 năm 2022, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do chị Ph không quan tâm chồng con, không chú tâm chăm sóc gia đình. Anh C xác nhận anh chị đã ly thân từ tháng 06 năm 2023 cho đến nay, hiện nay anh chị không còn liên lạc, không quan tâm, hỏi han đến nhau nữa. Tuy nhiên, anh C vẫn còn tình cảm với chị Ph và mong muốn vợ chồng đoàn tụ, cùng nhau chăm sóc, nuôi dạy con chung nên không đồng ý ly hôn với chị Lò Thị P.

- Về con chung: Giữa hai anh chị có 01 con chung chưa thành niên như chị Ph trình bày là đúng. Anh C không đồng ý ly hôn nên không đặt vấn đề giải quyết về nuôi con chung. Tuy nhiên nếu chị Ph cương quyết ly hôn thì anh C yêu cầu Tòa án giao cháu Q cho anh trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và bảo đảm có khả năng kinh tế, thực tế để nuôi con. Anh C không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh Điều Đức C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Điều Đức C có đơn xin xét xử vắng mặt và đề nghị giữ nguyên nội dung ý kiến như đã trình bày tại bản tự khai ngày 16 tháng 8 năm 2024.

Tại phiên toà:

- Chị Ph giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh C vì xác định tình cảm vợ chồng không còn; về con chung giữ nguyên yêu cầu được nuôi cháu Q và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ chị Ph giao nộp thể hiện chị Ph có công việc ổn định, mức thu nhập 6.400.000 đồng/tháng, có nơi ở ổn định để nuôi con, từ khi anh chị ly thân một mình chị Ph chăm sóc, nuôi dạy con. Trong khi anh C là lao động tự do và thường xuyên vắng mặt tại nơi cư trú, thu nhập xác minh theo lao động cùng loại là 4.250.000/ tháng ngoài ra không có tài liệu, chứng cứ nào thể hiện anh C có khả năng, điều kiện kinh tế và thời gian để chăm sóc con. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giao cháu Q cho chị Ph trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho cháu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thị xã M, tỉnh Điện Biên phát biểu ý kiến như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử. Về phía các đương sự: Nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn chưa chấp hành các giấy triệu tập, thông báo của Tòa án, gây khó khăn trong việc tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng đã được đảm bảo các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Các điều 57; 58; 71, 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Lò Thị P ly hôn với anh Điều Đức C; giao con chung là cháu Điều Bảo Q, sinh ngày 03/5/2021 cho chị Ph trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con cho đến cháu thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Không giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung do các đương sự đều không yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung: Do các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Chị Ph phải chịu 300.000 đồng án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” giữa chị Lò Thị P và anh Điều Đức C; anh C có hộ khẩu thường trú tại bản L, xã Lay N, Thị xã M, tỉnh Điện Biên. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thị xã M, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về điều luật áp dụng: Chị Ph, anh C kết hôn ngày 28/06/2011 tại Ủy ban nhân dân xã Lay N, Thị xã M, tỉnh Điện Biên. Do đó Hội đồng xét xử áp dụng quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 để xem xét tính hợp pháp của quan hệ hôn nhân và áp dụng các quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết vụ án.

[3] Về thủ tục tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho các đương sự theo địa chỉ mà nguyên đơn cung cấp. Tuy nhiên qua xác minh, anh Điều Đức C thường xuyên vắng mặt ở nơi cư trú nên không thể cấp, tổng đạt, thông báo trực tiếp các văn bản tố tụng cho anh C. Tại

thời điểm tổng đạt các văn bản tố tụng anh Điều Đức C vẫn có hộ khẩu thường trú tại bản Lé, xã Lay Nura, Thị xã M, tỉnh Điện Biên, anh C và gia đình đã được thông báo về việc Toà án nhân dân Thị xã M thụ lý và giải quyết vụ án. Căn cứ khoản 5 Điều 177, Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân Thị xã M tiến hành thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, xác định vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự và quyết định đưa vụ án ra xét xử. Ngày 16 tháng 8 năm 2024 anh C đã đến Toà án giao nộp bản tự khai để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Ph.

Ngày 30/8/2024, Toà án nhân dân Thị xã M mở phiên toà lần thứ nhất, chị Lò Thị P đã được triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt, Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên toà.

Ngày 30/09/2024, Tòa án mở lại phiên tòa, anh Điều Đức C có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

[4] Về nội dung vụ án:

[4.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Lò Thị P và anh Điều Đức C có đăng ký kết hôn vào ngày 28/06/2011 tại Ủy ban nhân dân xã Lay Nura, Thị xã M, tỉnh Điện Biên trên cơ sở tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc. Căn cứ khoản 1 Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 thì quan hệ hôn nhân giữa chị Ph và anh C là hợp pháp.

Chị Ph và anh C đều thống nhất xác nhận vợ chồng sống chung hạnh phúc đến khoảng tháng 6 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống. Anh chị ly thân từ tháng 06 năm 2023 và anh C chuyển về sinh sống tại Bản L, xã Lay N, Thị xã M, tỉnh Điện Biên từ tháng 12 năm 2023 cho đến nay, giữa anh chị không ai quan tâm đến nhau nên tình cảm vợ chồng không còn. Xét thấy hôn nhân không hạnh phúc, lâm vào mâu thuẫn trầm trọng nên chị Ph yêu cầu giải quyết ly hôn với anh C.

Sau khi thụ lý vụ án, anh C không trả lời thông báo thụ lý vụ án của Toà án và không chấp hành các giấy triệu tập, thông báo của Toà án. Mặc dù anh C cho rằng vẫn còn tình cảm với chị Ph và không đồng ý ly hôn nhưng quá trình thông báo, tổng đạt văn bản tố tụng, kết quả xác minh của Toà án cho thấy anh C không có thiện chí đoàn tụ.

Hội đồng xét xử nhận định, mâu thuẫn vợ chồng chị Lò Thị P, anh Điều Đức C đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng đã rạn nứt không thể hàn gắn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp. Các bên đã vi phạm

nghĩa vợ chồng như không còn yêu thương nhau, không còn sự tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau cùng chia sẻ, thực hiện các công việc của gia đình và hiện nay anh chị đã ly thân làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu ly hôn của chị Lò Thị P là phù hợp, có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần chấp nhận cho chị Ph được ly hôn với anh C.

[4.2] Về nuôi con chung:

Trong thời kỳ hôn nhân, chị Lò Thị P và anh Điều Đức C có một con chung chưa thành niên là cháu Điều Bảo Q, sinh ngày 03/5/2021. Cả chị Ph và anh C đều có nguyện vọng nuôi con chung và không yêu cầu bên kia cấp dưỡng nuôi con. Chị Ph đã xuất trình các tài liệu, chứng cứ chính minh có đủ điều kiện, khả năng nuôi con.

Xem xét nguyện vọng của anh chị, Hội đồng xét xử thấy rằng: Cả chị Ph và anh C đều đã thể hiện trách nhiệm của người làm mẹ, làm cha đối với con cái. Tham khảo ý kiến của cơ quan quản lý nhà nước về gia đình ở địa phương, Ủy ban nhân dân xã Lay N, Thị xã M đề nghị Toà án xem xét điều kiện anh C là lao động tự do, thu nhập không ổn định, xác minh thu nhập bình quân của lao động cùng loại tại địa phương ở mức 4.250.000 đồng/tháng, anh C thường xuyên vắng mặt tại nơi cư trú nên xét thấy không đảm bảo khả năng và điều kiện nuôi con.

Hội đồng xét xử nhận thấy, cháu Điều Bảo Q hiện đang ở độ tuổi rất cần sự quan tâm, chăm sóc, nuôi dưỡng của cha mẹ để đảm bảo phát triển về thể chất, tinh thần và nhân cách. Từ khi anh chị ly thân (Từ tháng 6 năm 2023) đến nay cháu Q do chị Ph trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Ph đã cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh công việc, thu nhập ổn định, đảm bảo điều kiện vật chất để nuôi con. Chị Ph đã hiểu rõ các thói quen sinh hoạt của con, cháu Quyên là nữ nên ở với mẹ sẽ đảm bảo được chăm sóc thuận lợi hơn. Như vậy, việc xáo trộn cuộc sống, sinh hoạt hiện nay của cháu Q là không cần thiết, có thể ảnh hưởng đến tâm lý và sự phát triển bình thường của cháu nên giao cháu Q cho chị Ph tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị Lò Thị P và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, giao cháu Q cho chị Ph trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự đều không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4.3] Về tài chung và nợ chung, cho vay chung: Do các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14, chị Ph phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền đã tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001507 ngày 25/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Thị xã M, tỉnh Điện Biên, chị Ph đã nộp đủ án phí.

[6]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 5; Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Các Điều 143, Khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các điều 9, 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 57, 58, 81, 82, 83, 84; Khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lò Thị P ly hôn với anh Điều Đức C.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Điều Bảo Q, sinh ngày 03/5/2021 cho chị Lò Thị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Lò Thị P không yêu cầu anh Điều Đức C cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lò Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001507 ngày 25/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Thị xã M, tỉnh Điện Biên.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn Lò Thị P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (30/12/2024). Bị đơn Điều Đức C

vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV-THA TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND Thị xã M;
- Chi cục THA dân sự Thị xã M;
- Các đương sự;
- Người bảo vệ quyền và LIHP của NĐ;
- UBND xã Lay Nưa;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Thị Bích Thảo

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
(Ký tên, ghi rõ họ tên)**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)**

